|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  Số: /2022/QĐ-TTg | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO LẦN 2**

# QUYẾT ĐỊNH

**Về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ tài chính;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến,*

# 

# QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến.

2. Máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến quy định tại Quyết định này bao gồm: máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng và các thiết bị ghi hình kỹ thuật số (webcam), thiết bị thu thanh (microphone).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Khách hàng vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định này.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quá trình thực hiện Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**Điều 3. Đối tượng được vay vốn**

1. Học sinh các cấp đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục (giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông), không có máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến và là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng: hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (có bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp mất do dịch Covid-19) (sau đây gọi chung là học sinh).

2. Học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; không có máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến và là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng: hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (có bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp mất do dịch Covid-19) (sau đây gọi chung là sinh viên).

**Điều 4. Phương thức cho vay**

1. Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình (đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật) là người đứng tên vay vốn và có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội. Trường hợp sinh viên thuộc đối tượng tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này đã đủ 15 tuổi và hộ gia đình không còn thành viên nào đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không còn sức lao động, không có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật thì sinh viên đó trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cư trú hoặc nơi nhà trường đóng trụ sở.

2. Việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị- xã hội theo hợp đồng ủy thác hoặc trực tiếp cho vay đến người vay.

**Điều 5. Điều kiện vay vốn**

1. Người vay thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

2. Người vay có tên trong danh sách xác nhận của Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi cư trú về đối tượng được vay vốn (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này); có giấy đề nghị vay vốn, trong đó cam kết tại thời điểm đề nghị vay vốn, hộ gia đình có học sinh, sinh viên không có máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến và học sinh, sinh viên đó chưa được hưởng chính sách hỗ trợ máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến dưới mọi hình thức (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này).

**Điều 6. Mức vốn cho vay**

Mức cho vay tối đa 10 triệu đồng/học sinh, sinh viên.

**Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ**

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

**Điều 8. Thời hạn vay**

Thời hạn vay vốn tối đa 36 tháng. Riêng đối với trường hợp sinh viên trực tiếp đứng tên vay vốn theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quyết định này, khi hết thời hạn vay vốn tối đa 36 tháng mà chưa đến thời điểm kết thúc khóa học thì thời hạn vay vốn được tính từ ngày vay đến hết 12 tháng sau khi sinh viên kết thúc khóa học.

**Điều 9. Lãi suất cho vay**

1. Lãi suất cho vay 1,2%/năm.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.

**Điều 10.** **Nguồn vốn cho vay**

1. Tổng nguồn vốn cho vay tối đa là 3.000 tỷ đồng từ nguồn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình.

2. Trong thời gian chưa huy động được vốn trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Ngân hàng Chính sách xã hội được sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác để cho vay.

3. Thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay không vượt quá thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc thời điểm thông báo hết nguồn vốn cho vay quy định tại Khoản 1 Điều này, tùy theo điều kiện nào đến trước.

**Điều 11. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội phân loại các khoản nợ cho vay theo Quyết định này theo quy định tại Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

2. Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội, Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác (nếu có).

**Điều 12. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, trả nợ**

Ngân hàng Chính sách xã hội quy định hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, trả nợ, bảo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

**Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí đầy đủ nguồn vốn từ nguồn kế hoạch đầu tư công để cấp bù lãi suất và phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai cho vay theo quy định tại Quyết định này.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, các Bộ ngành: Chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp thuộc quyền quản lý phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp và Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức việc tuyên truyền và thực hiện chính sách tại Quyết định này.

3. Bộ Tài chính chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết).

4. Các bộ, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao cùng phối hợp để triển khai thực hiện Quyết định này.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện việc rà soát, xác nhận về đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định tại Quyết định này.

6. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Ban hành quy định về hồ sơ vay vốn, quy trình và thủ tục cho vay;

b) Quản lý và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay đúng đối tượng theo quy định của Quyết định này;

c) Phối hợp với các Bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này;

d) Định kỳ hằng tháng (chậm nhất là ngày 15 của tháng kế tiếp), Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Bộ Tài chính về kết quả thực hiện hỗ trợ cho vay đối với học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua sắm máy tính, thiết bị phục vụ việc học tập trực tuyến.

**Điều 14. Xử lý vi phạm**

Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngàng Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Văn phòng BCĐ về phòng, chống tham nhũng;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng dân tộc và các Uỷ ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm soát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Uỷ ban Trung ương MTTQ Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - Ngân hàng Chính sách xã hội;  - VPCP; BTCN, các PCN, Website Chính phủ,  Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,  Các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: Văn thư, KTTH (5b).A. | **THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | ***Mẫu số 01*** |
| **UBND xã (phường, thị trấn)…...................** | | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** | | | |
| **DANH SÁCH CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHO VAY  ĐỂ MUA MÁY TÍNH, THIẾT BỊ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỌC TẬP TRỰC TUYẾN** | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TT** | **Họ và tên người vay vốn** | **Số CMND/CCCD/hộ chiếu** | **Địa chỉ** | **Thuộc đối tượng(1)** | **Họ và tên HSSV** | **Tên trường học(2)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | *Ngày….....tháng…....năm…......* | |
|  | |  |  |  | **Chủ tịch UBND xã (phường, thị trấn)** | |
|  |  |  |  |  | *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | **Mẫu số 02** |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN   
ĐỂ MUA MÁY TÍNH, THIẾT BỊ ĐỦ ĐIỀU KIỆN   
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỌC TẬP TRỰC TUYẾN**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội ..............................................................

**I. THÔNG TIN NGƯỜI VAY VỐN**

Họ và tên: ............................................

Ngày, tháng, năm sinh............../........../............

Dân tộc..........................................Giới tính: ..........................................

Số CCCD/CMND/Hộ chiếu: .................................. Ngày cấp: ...... /...... /...... , Nơi cấp: ......................................................................................................................

Địa chỉ cư trú: ...............................; xã .....................huyện ..............Tỉnh...............

**II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**

Đề nghị NHCSXH cho vay học sinh, sinh viên để mua máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến khi cần thiết, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: ............................................................................đồng (Bằng chữ:.........................................................)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họ và tên học sinh/sinh viên** | **Tên trường học** | **Mục đích vay vốn** | **Số tiền** |
| 1. …....................................... | …................................ | ….......................... | …….. |
| 2. …....................................... | …................................. | …........................... | …….. |
| 3. …....................................... | …................................. | …........................... | ……... |

- Khóa học (đối với sinh viên) Từ tháng....năm.......đến tháng .....năm.....

- Thời hạn vay vốn:......................tháng

- Kỳ hạn trả nợ:...................tháng/lần

- Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày............./.........../............

**III. CAM KẾT CỦA NGƯỜI VAY VỐN**

1. Tại thời điểm đề nghị vay vốn, học sinh/sinh viên có tên tại mục II nêu trên không có máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến khi cần thiết và chưa được hưởng chính sách hỗ trợ máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến dưới mọi hình thức.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin đã cung cấp nêu trên.

3. Chấp hành các quy định về cho vay, chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết với Ngân hàng Chính sách xã hội, sử dụng tiền vay đúng mục đích, đúng đối tượng, trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo kế hoạch./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…. tháng ... năm ...* **NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |